

Tài liệu tham khảo

1. Nochaiwong S., Ruengorn C., Thavorn K. (2021), Global prevalence of mental health issues among the general population during the coronavirus disease-2019 pandemic: a systematic review and meta-analysis, *Scientific Reports*, 11, 10173. 2. Beretz A., Haag-Berrurier M., RJPmep A. (1978), Choice of pharmacological methods for the study of Hawthorn activities, choix de methodes pharmacologiques pour l'etude des activites de l'aubepine, *Plantes Médicinales et Phytothérapie*, 12(4), 305-314. 3. Brunton L., Lazo J., Parker K., (2006), Goodman & Gilman's. The pharmacological basis of therapeutics. *New York: Mc GrawHill Companies, Inc.* (7th edition). 4. Ayissi Mbomo R., Gartside S., Ngo Bum E., Njikam N., Okello E., McQuade R., (2011), Effect of *Mimosa pudica* (Linn.) extract on anxiety behaviour and GABAergic regulation of 5-HT neuronal activity in the mouse, *Journal of Psychopharmacology*, 26(4), 575-583. 5. Martins J., Brijesh S. (2019). Anti-depressant activity of *Erythrina variegata* bark extract and regulation of monoamine oxidase activities in mice, *Journal of Ethnopharmacology*, 112280. 6. Ghosal S., Dutta S. K., Bhattacharya S. K. (1972), *Erythrina*—Chemical and pharmacological evaluation II: Alkaloids of *Erythrina variegata* L., *Journal of Pharmaceutical Sciences*, 61(8), 1274-1277. 7. Freie S. M. F., Emin A. J. S., Lapa A. J., Souccar C., Torres L. M. B., (1993), Analgesic and anti-inflammatory properties of *Scoparia dulcis* L., *Phytotherapy Research*, 86, 149-151. 8. Elayaraja A., Rahaman S. A., Kumar P., Kumar P. (2015), Anti-anxiety activity of hydro alcoholic extract of *Scoparia dulcis* Linn. assessed using different experimental anxiety models in rodents, *International Journal of Pharmacological Research*, 5(3), 62-67. 9. Đỗ Trung Đàm, (2012), Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc. *NXB Y học*. 10. Matsumoto K., Pinna G., Puia G., Guidotti A., Costa E. (2005), Social isolation stress-induced aggression in mice: A model to study the pharmacology of neurosteroidogenesis, *Stress*, 8(2), 85-93. 11. Rakotonirina V. S., Bum E. N., Rakotonirina A., Bopelet M. (2001), Sedative properties of the decoction of the rhizome of *Cyperus articulatus*, *Fitoterapia*, 72(1), 22-29. 12. Sarris J., Panossian A., Schweitzer I., Stough C., Scholey A. (2011), Herbal medicine for depression, anxiety and insomnia: A review of psychopharmacology and clinical evidence, *European Neuropsychopharmacology*, 21(12), 841-860. 13. Costall B., Naylor R. J. (1997); The influence of 5-HT₂ and 5-HT₄ receptor antagonists to modify drug induced disinhibitory effects in the mouse light/dark test, *British Journal of Pharmacology*, 122(6), 1105-1108. 14. Moniruzzaman M., Atikur Rahman M., Ferdous A. (2015), Evaluation of sedative and hypnotic activity of ethanolic extract of *Scoparia dulcis* Linn, *Evidence-Based Complementary and Alternative Medicine*, 1-6.

Tạp chí Dược liệu, tập 30, số 1/2025 (Trang 60 - 64)

ĐA DẠNG CÂY THUỐC TỈNH BẮC GIANG

**Phạm Thanh Huyền¹, Đặng Minh Tú^{1*}, Nguyễn Quỳnh Nga¹, Lại Việt Hưng¹,
Nguyễn Văn Hiếu¹, Phan Văn Trường¹, Nhâm Minh Phúc¹, Nguyễn Hoàng¹,
Nguyễn Khương Duy¹, Trần Quang Thi², Trần Ngọc Bích², Ngô Hoàng Diệp³, Trương Đức Đáng⁴**

¹Viện Dược liệu; ²Hội Đông y - Hội châm cứu tỉnh Bắc Giang;

³Sở Y tế tỉnh Bắc Giang; ⁴Chi cục Kiểm lâm tỉnh Bắc Giang

*Corresponding author: dmt.k57@gmail.com

(Nhận bài ngày 30 tháng 10 năm 2024)

Tóm tắt

Giai đoạn năm 2020 - 2023, nhóm nghiên cứu của Trung tâm Tài nguyên Dược liệu (Viện Dược liệu) và các cộng sự đã tiến hành điều tra khảo sát tính đa dạng cây thuốc tại 105 xã/thị trấn thuộc 10 huyện/thành phố của tỉnh Bắc Giang. Thành phần cây thuốc của tỉnh Bắc Giang đa dạng về bậc phân loại với 812 loài thực vật làm thuốc, thuộc 516 chi, 163 họ của 6 ngành thực vật có mạch. Kết quả điều tra đã đánh giá sự đa dạng về dạng thân, công dụng, bộ phận sử dụng làm thuốc; ghi nhận 43 loài có giá trị bảo tồn; 99 loài có tiềm năng khai thác; 32 loài cây thuốc đang được trồng và phát triển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang. Kết quả nghiên cứu là cơ sở phục vụ cho công tác bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc của tỉnh Bắc Giang.

Từ khóa: Đa dạng, Cây thuốc, Tỉnh Bắc Giang.

Summary

Diversity of Medicinal Plants in Bac Giang Province

From 2020 to 2023, the research team of The Medicinal Materials Resources Center (National Institute of Medicinal Material) and colleagues investigated the diversity of medicinal plants in 105 communes/wards belong to 10 districts/towns of Bac Giang province. The survey results have recorded 812 medicinal plant species, belonging to 516 genera, and 163 families of 6 vascular plants. Medicinal plants of Bac Giang province are diverse in taxonomic levels, life forms, uses, and parts used as medicine. There are 43 threatened species of high conservation value; 99 species are being exploited; 32 species of medicinal plants are being planted and developed in Bac Giang province. The research results are the basis for the conservation and sustainable development of medicinal plant resources in Bac Giang province.

Keywords: Diversity, Medicinal plants, Bac Giang province.

1. Đặt vấn đề

Bắc Giang thuộc khu vực là tỉnh thuộc Đông Bắc Việt Nam với 09 huyện và 01 thành phố. Địa hình Bắc Giang chia cắt mạnh, tiếp giáp với đỉnh Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh và vùng núi tỉnh Lạng Sơn, gồm 2 tiêu vùng: Miền núi và trung du có đồng bằng xen kẽ. Vùng trung du độ cao trung bình 100 - 150 m, độ dốc từ 10 - 15°. Vùng miền núi chiếm 72% diện tích. Trong đó một phần các huyện Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế và Sơn

Đông là vùng núi. Độ cao trung bình ở vùng từ 300 - 400 m, cao nhất là đỉnh Yên Tử (1.086 m), độ dốc phần lớn trên 25°[1].

Với lợi thế về điều kiện tự nhiên và nguồn nhân lực dồi dào, Bắc Giang có nhiều tiềm năng phát triển vùng trồng cây thuốc. Đất đai và khí hậu phù hợp với nhiều loài cây trồng, trong đó có nhiều loài cây thuốc quý xuất xứ từ các nguồn khác nhau. Tuy nhiên, đến nay trên địa bàn Bắc Giang vẫn chưa có công bố nào về điều tra tổng thể về nguồn tài

nguyên cây thuốc. Với mục tiêu có được những dẫn liệu đầy đủ về nguồn tài nguyên cây thuốc của tỉnh, đề định hướng bảo tồn và phát triển bền vững nguồn tài nguyên cây thuốc của tỉnh Bắc Giang, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

2. Phương pháp và địa điểm nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

*Phương pháp điều tra thực địa theo tuyến:

- Kết hợp điều tra thực địa và phỏng vấn theo Nguyễn Tập (2006) [2] và Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [3].

*Xử lý mẫu tại phòng thí nghiệm, làm tiêu bản

- Mẫu sau khi được thu thập ngoài thực địa sẽ được xử lý và lưu trữ trong phòng thí nghiệm theo phương pháp trong Nguyễn Nghĩa Thìn (2007) [3] và sử dụng TCVN 13531: 2022.

- Các tiêu bản cây thuốc được làm theo phương pháp làm mẫu thực vật khô và được lưu giữ tại Phòng Tiêu bản Trung tâm Tài nguyên Dược liệu, Viện Dược liệu.

*Định loại bằng phương pháp so sánh hình thái

- Xác định tên khoa học các loài cây thuốc theo phương pháp so sánh hình thái (Nguyễn Nghĩa Thìn, 2007) [3] và sử dụng khóa phân loại trong các tài liệu chuyên khảo [4],[5],[6],[7],[8].

- Đối chiếu và chỉnh lý tên khoa học, họ thực vật theo Danh lục thực vật Việt Nam, Danh lục cây thuốc Việt Nam (2016), hệ thống APG IV (2016) [9], [10],[11].

* Phương pháp chuyên gia

- Xin ý kiến các chuyên gia về lĩnh vực phân loại các họ thực vật.

*Xử lý số liệu

- Xác định dạng thân và đánh giá mức độ đa dạng về bậc họ, chi [12].

- Xác định danh sách các loài cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam được ghi nhận tại tỉnh Bắc Giang theo: Danh lục Đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật, năm 2007 [13]; Sách Đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật, năm 2007 [14]; Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, 2019 [15]; Nghị định số 84/2021/NĐ-CP, ngày 22 tháng 9 năm 2021, của Thủ tướng Chính phủ về Quản lý Thực vật, động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm [16].

2.2. Địa điểm điều tra nghiên cứu

Từ tháng 05/2020 đến tháng 05/2023 đã tiến hành 24 tuyến điều tra khảo sát tại 10 huyện/thành phố của tỉnh Bắc Giang gồm: Yên Thế, Lục Nam, Yên Dũng, Lục Ngạn, Sơn Động, Lạng Giang, Việt Yên, Tân Yên, Hiệp Hòa và thành phố Bắc Giang.

3. Kết quả điều tra nghiên cứu

3.1. Thành phần loài cây thuốc ghi nhận được

Kết quả điều tra đã xây dựng được danh lục thành phần cây thuốc tại tỉnh Bắc Giang, gồm 812 loài, thuộc 516 chi, 163 họ của 6 ngành thực vật có mạch.

Bảng 1. Kết quả điều tra về thành phần cây thuốc tại tỉnh Bắc Giang

Các bậc phân loại Thực vật	Họ		Chi		Loài	
	Số họ	Tỉ lệ % họ	Số chi	Tỉ lệ % chi	Số loài	Tỉ lệ % loài
Ngành thông đất (Lycopodiophyta)	1	0,61	1	0,19	1	0,12
Ngành cỏ thấp bút (Equisetophyta)	1	0,61	1	0,19	1	0,12
Ngành dương xỉ (Polypodiophyta)	8	4,91	10	1,94	18	2,22
Ngành thông (Pinophyta)	3	1,84	4	0,78	5	0,62
Ngành gấm (Gnetophyta)	1	0,61	1	0,19	2	0,25
Ngành ngọc lan (Magnoliophyta)	149	91,41	499	96,71	785	96,67
Lớp ngọc lan (Magnoliopsida)	125	83,89	436	87,37	688	87,64
Lớp hành (Lilltopsida)	24	16,11	63	12,63	97	12,36
Tổng số	163	100,00	516	100,00	812	100,00

Nhận xét: Từ Bảng 1, So sánh toàn bộ hệ thực vật làm thuốc trên cả nước được thống kê trong cuốn “Danh lục cây thuốc Việt Nam” năm 2016 là 5.045 loài (trừ nhóm Nấm và Tảo) [9], số loài cây thuốc ghi nhận được tại tỉnh Bắc Giang tương đương với 16,10%. Tuy tỉnh Bắc Giang chỉ là một vùng diện tích nhỏ so với diện tích của cả nước nhưng kết quả nghiên cứu cho thấy thành phần loài cây thuốc ở nơi đây cũng rất đa dạng và phong phú.

*Đa dạng về bậc phân loại

*Đánh giá về bậc phân loại Ngành

Nhìn chung nguồn tài nguyên cây thuốc của tỉnh Bắc Giang tương đối phong phú đa dạng) với 812 loài cây thuốc, 516 chi, 163 họ thuộc 6 ngành thực vật bậc cao (Bảng 1), cụ thể:

Về số họ: Ghi nhận 163 họ thực vật, đa dạng nhất là ngành ngọc lan có 149 họ chiếm 90,3%; ngành dương xỉ có 8 họ chiếm 4,91%; ngành thông 3 họ chiếm 1,84%; ngành cỏ thấp bút đều có 1 họ chiếm 0,61%.

Về số chi: Ghi nhận 516 chi thực vật, trong đó ngành ngọc lan có 499 chi chiếm 96,71%, ngành dương xỉ có 10 chi chiếm 1,94%, ngành thông có 3 chi chiếm 0,78%; ngành cỏ thấp bút có 1 chi chiếm 0,19%.

Về số loài: Ghi nhận 812 loài, trong đó ngành ngọc lan có 785 loài chiếm 96,67%, ngành dương xỉ có 18 loài chiếm 2,22%, ngành thông có 5 loài

chiếm 0,62%; ngành gấm có 2 loài chiếm 0,25%; ngành thông đất có 1 loài, ngành cỏ tháp bút có 1 loài đều chiếm tỉ lệ rất nhỏ là 0,12%.

Qua kết quả thống kê, ngành ngọc lan (Magnoliophyta) chiếm ưu thế vượt trội so với tất cả các ngành thực vật khác, về tỉ lệ loài, chi, họ đều đạt trên 90% trong tổng các loài thực vật làm thuốc tại tỉnh Bắc Giang.

***Đánh giá về bậc phân loại họ**

Trong tổng số 163 họ thực vật đã được ghi nhận, một số họ thực vật giàu loài có thể kể đến như: họ đậu - Fabaceae, họ hoa môi - Lamiaceae, họ cà phê - Rubiaceae,... Trong đó, chỉ tính 10 họ giàu loài nhất loài đã ghi nhận được 305 loài chiếm 38,00%. Trong 153 họ còn lại, mỗi họ mới chỉ ghi nhận được từ 1 đến 18 loài cây thuốc. Một số họ mặc dù mới chỉ ghi nhận được ít loài, nhưng lại là những cây thuốc có giá trị sử dụng và kinh tế cao của tỉnh (ví dụ: họ dó đất (Balanophoraceae) có 1 đại diện là loài dương đài (*Balanophora indica*); họ trám (Burseraceae) có 2 đại diện là loài trám trắng (*Canarium tonkinense*) và loài trám đen (*Canarium tramdenum*);...

***Đánh giá về bậc phân loại chi**

Trong tổng số 516 chi thực vật đã được ghi nhận, mười chi giàu loài nhất có thể kể đến là chi sung (*Ficus*), chi cà (*Solanum*), chi mọ (*Clerodendrum*)... có số lượng là 72 loài chiếm 13,95%. Nếu tính chung cho tất cả các chi thì mỗi chi thường chỉ có 1 - 2 - 3 loài, bình quân mỗi chi có trên 01 loài. Từ đó có thể thấy rằng: bậc phân loại chi cây thuốc ở đây

rất đa dạng nhưng lại nghèo về số loài trong các chi. Tuy nhiên điều đó đã phản ánh xác thực được tính đa dạng cao của tài nguyên thực vật làm thuốc tại tỉnh Bắc Giang.

***Sự đa dạng về dạng thân cây thuốc**

Kết quả phân tích sự đa dạng dạng thân cây thuốc được trình bày ở Bảng 2:

Bảng 2. Sự đa dạng về dạng thân cây thuốc tỉnh Bắc Giang

STT	Dạng thân	Số loài	Tỉ lệ %
1	Thân bụi và bụi trườn (B)	288	35,47
2	Thân thảo (T)	252	31,03
3	Thân gỗ (G)	144	17,73
4	Thân leo (L)	124	15,27
5	Thân cột (C)	4	0,49
Tổng		812	100

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy, các loài cây thuốc tại tỉnh Bắc Giang có độ đa dạng về dạng thân tương đối cao với 5 dạng thân gồm thân thảo (T), thân bụi và bụi trườn (B), thân leo (L), thân gỗ (G), thân cột (C). Trong đó, chiếm ưu thế là dạng thân bụi và bụi trườn (288 loài, chiếm 35,47 %) và thân cỏ/thảo (252 loài chiếm tỉ lệ 31,03%). Chiếm tỉ lệ thấp nhất là dạng thân cột (C) có 4 loài ($\approx 0,49\%$).

***Đa dạng về nhóm công dụng làm thuốc**

Căn cứ theo cách phân chia các nhóm bệnh thường sắp theo tại thông tư số: 19/2018/TT-BYT. Tổng số 812 loài cây thuốc đã ghi nhận được phân chia theo 16 nhóm bệnh (Bảng 3):

Bảng 3. Sự đa dạng các nhóm công dụng làm thuốc tại tỉnh Bắc Giang

TT	Nhóm bệnh	Số loài	TT	Nhóm bệnh	Số loài
1	Bệnh ngoài da (nhiễm trùng, vết thương, ghẻ lở, mụn nhọt, dị ứng, eczema,...)	117	9	Bệnh về thận và đường tiết niệu (sỏi thận, viêm thận, phù do thận, yếu thận, viêm đường tiết niệu,...)	59
2	Bệnh cảm sốt, cảm cúm, nhức đầu	111	10	Bệnh về răng miệng	43
3	Bệnh về xương khớp (thấp khớp, viêm khớp, đau lưng, gai cột sống, bó gẫy xương,...)	105	11	Bệnh về thần kinh, não (an thần, mất ngủ, động kinh,...)	37
4	Động vật cắn (Rắn cắn)	87	12	Bệnh về đường hô hấp (viêm phổi, phế quản, hen, ung thư phổi,...)	36
5	Bệnh về đường tiêu hóa (tiêu chảy, ỉa, trực tràng, đau dạ dày,...)	80	13	Bệnh về mắt	33
6	Bồi dưỡng sức khỏe, suy nhược cơ thể	74	14	Bệnh về tim mạch, máu, huyết áp (huyết áp cao, suy tim, nhiễm trùng máu...)	32
7	Bệnh về gan (viêm gan (A, B,...), xơ gan, ung thư gan)	68	15	Bệnh về sinh dục nam (viêm nhiễm...)	30
8	Bệnh về phụ nữ (hậu sản, kinh nguyệt, viêm nhiễm...)	59	16	Bệnh của trẻ em (cam, đan, ý, khóc đêm...)	26

Nhóm cây chữa nhóm bệnh ngoài da được ghi nhận đa dạng nhất với 117 loài, tiếp đến là các nhóm bệnh cảm sốt là cao nhất với 111 loài; bệnh về xương khớp với 105 loài, nhóm bệnh động vật cắn với 87 loài; nhóm bệnh đường tiêu hóa với 80 loài. Các nhóm bệnh có số lượng loài ít hơn như tim mạch hay sinh dục nam, mắt, thần kinh, phụ nữ, trẻ em.

***Đa dạng về bộ phận dùng làm thuốc**

Kết quả thống kê về bộ phận dùng làm thuốc

dựa vào các tài liệu về cây thuốc đã công bố và điều tra phỏng vấn nhanh tại tỉnh Bắc Giang được thể hiện tại Bảng 4:

Kết quả phân tích về sự đa dạng các bộ phận sử dụng làm thuốc gồm 13 nhóm bộ phận khác nhau. Trong đó: lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất trong việc chữa bệnh, với các đại diện như khôi đốm (*Sanchezia nobilis*), trinh nữ hoàng cung (*Crinum latifolium*), diếp cá (*Houttuynia*

cordata),...; Bộ phận tiếp theo là rễ với các loài như ba kích (*Morinda officinalis*), gai (*Boehmeria nivea*), bồ bèo trắng (*Gomphandra mollis*),...; tiếp nữa là dùng cả cây như dạ cẩm (*Oldenlandia hedyotidea*), cỏ mần trầu (*Eleusine indica*),...; sử dụng thân như

cỏ rùa huyết (*Callerya dasphylla*), dây đau xương (*Tinospora sinensis*), huyết giác (*Dracaena cochinchinensis*). Một số bộ phận khác sử dụng với số lượng loài nhỏ như móc câu, gai, đài hoa, đài quả.

Bảng 4. Sự đa dạng về bộ phận dùng làm thuốc tại tỉnh Bắc Giang

TT	Bộ phận sử dụng	Tổng số	TT	Bộ phận sử dụng	Tổng số
1	Lá	246	8	Hạt	41
2	Rễ (rễ, thân rễ, rễ củ)	240	9	Hoa	32
3	Cả cây	154	10	Phần trên mặt đất (cả cây trừ rễ)	22
4	Thân	145	11	Nhựa, mủ	6
5	Vỏ thân, vỏ rễ	76	12	Gai, móc câu	4
6	Cành lá	54	13	Đài quả, đài hoa	2
7	Quả	44			

3.2. Hiện trạng cây thuốc tại tỉnh Bắc Giang
*Các loài cây thuốc thuộc diện bảo tồn

Từ danh lục các loài cây thuốc của tỉnh Bắc Giang, đối chiếu với các tài liệu công bố, chúng tôi ghi nhận được 43 loài thực vật cần ưu tiên

bảo tồn (Bảng 3.5). Trong đó: 33 loài có trong Sách đỏ (2007), 33 có loài trong Danh lục đỏ (2007), 18 loài có trong Danh lục đỏ cây thuốc (2019), 12 loài trong nhóm IIA (Nghị Định 84/2021/NĐ-CP).

Bảng 5. Các loài cây thuốc ưu tiên bảo tồn tại Bắc Giang

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học	TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> L.	23	Hoàng tinh hoa trắng	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib
2	Bồ bèo đen	<i>Goniotalamus vietnamensis</i> Ban	24	Hồi nước	<i>Limnophila rugosa</i> (Roth) Merr.
3	Cát sâm	<i>Callerya speciosa</i> (Champ. ex Benth.) Schot	25	Huê đá hoa tím	<i>Peliosanthes teta</i> Andr.
4	Cầu tích	<i>Cibotium barometz</i> (L.) J.Sm.	26	Lát hoa	<i>Chukrasia tabularis</i> A. Juss.
5	Hoàng đằng	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour	27	Mã tiền cà thấy	<i>Strychnos cathayensis</i> Merr.
6	Khôi trắng lá to	<i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf	28	Ngũ gia bì gai	<i>Acanthopanax trifoliatum</i> (L.) Voss
7	Lan kim tuyến	<i>Anoectochilus roxburghii</i> (Wallich) Lindley	29	Ô rô bà	<i>Aucuba japonica</i> Thunb.
8	Na rừng	<i>Kadsura coccinea</i> (Lam.) A. C. Smith	30	Phả lử	<i>Tacca subflabellata</i> P. P. Ling & C. T. Ting
9	Tắc kè đá bon	<i>Drynaria bonii</i> Christ	31	Po mu	<i>Fokienia hodginsii</i> (Dunn) A. Henry & Thomas
10	Trầu tiên yên tử	<i>Asarum yentense</i> N.A.Tuan & Sasamoto	32	Rau sắng	<i>Melientha suavis</i> Pierre
11	Trong lâu hải nam	<i>Paris dunniana</i> H.Lév.	33	Sâm bổ chính	<i>Abelmoschus sagittifolius</i> (Kurz) Merr.
12	Thạch xương bò	<i>Acorus gramineus</i> Soland.	34	Sâm cau, Tiêm mao	<i>Curculigo orchoides</i> Gaertn.
13	Ba gác vòng	<i>Rauvolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	35	Thần linh lá nhỏ	<i>Kibatalia laurifolia</i> (Ridl.) Woodson
14	Củ dôm	<i>Stephania dielsiana</i> Y. C. Wu	36	Thiên lý hương	<i>Embelia parviflora</i> Wall. ex A. DC. Myrsinaceae
15	Củ gà áp	<i>Stephania tetrandra</i> S. Moore	37	Thiệt đỉnh lá bẹ	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem.
16	Củ gió	<i>Tinospora sagittata</i> (Oliv.) Gagnep.	38	Thôi chanh bạc	<i>Alangium tonkinense</i> Gagnep.
17	Đảng sâm	<i>Codonopsis javanica</i> subsp. <i>japonica</i> (Makino) Lammers	39	Trắc dây	<i>Dalbergia rimosa</i> Roxb.
18	Giáo cô lam	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thunb.) Makino	40	Trại lý	<i>Garcinia fagraeoides</i> A. Chev.
19	Giôi lông	<i>Michelia balansae</i> (DC.) Dandy	41	Trâm đen	<i>Canarium tramdenum</i> Dai et Yakovl.
20	Giôi lưa	<i>Magnolia odora</i> (Chun) Figlar & Noot.	42	Trâm hương	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte
21	Gù hương	<i>Cinnamomum balansae</i> Lecomte	43	Xương cá	<i>Canthium dicoccum</i> (Gaertn.) Teysm. & Binn.
22	Hà thủ ô đỏ	<i>Fallopia multiflora</i> (Thunb.) Hara			

* Các loài cây thuốc hiện đang được khai thác

Kết quả từ các bộ phiếu điều tra và quá trình điều tra thực địa, chúng tôi ghi nhận 99 loài, 89 chi, 55 họ cây thuốc, có tiềm năng dược liệu làm thuốc từ nguồn cây thuốc tự nhiên tại tỉnh Bắc Giang. Trong đó, nhiều loài cây thuốc có trữ lượng dồi dào, có tiềm năng khai thác lớn như

gấm, dây chiều, kê huyết đằng, cỏ rùa huyết, cỏ cắt lợn, ngũ gia bì chân chim, bòn bọt, ung bất bạc, xuyên tiêu, dây bò khai, chè dây,...

Ngoài các loài có tiềm năng khai thác, các loài cây thuốc thuộc diện quý hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng ngoài tự nhiên như: ba kích, cát sâm, tắc kè đá, sâm cau, na rừng,... hiện vẫn đang bị khai thác với mục đích sử dụng làm thuốc hoặc thương mại.

*Các loài cây thuốc trồng tập trung

Dựa trên điều tra khảo sát, chúng tôi xác định 32 loài thuộc 30 chi, 23 họ thực vật có giá trị làm thuốc trồng tập trung tại tỉnh Bắc Giang. Tổng diện tích trồng cây thuốc đạt 237 ha. Trong đó, một số loài có diện tích trồng

lớn và hiệu quả kinh tế cao như: cát sâm: 43 ha (bao gồm cát sâm: 16 ha, sâm nam núi dành lá to: 11 ha, sâm nam núi dành lá nhỏ: 16 ha); trà hoa vàng: 31 ha; kim tiền thảo: 25 ha; đinh lăng 18 ha; ba kích: 17 ha; ngải nhật: 7 ha... (Bảng 6):

Bảng 6. Các loài cây thuốc trồng tập trung tại tỉnh Bắc Giang

Tên Việt Nam	Tên khoa học	Diện tích (ha)	Tên Việt Nam	Tên khoa học	Diện tích (ha)
Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> L.	17	Ngải nhật	<i>Artemisia japonica</i> Thunb.	7
Cà gai leo	<i>Solanum procumbens</i> Lour.	4	Nghệ	<i>Curcuma longa</i> L.	3
Cát sâm	<i>Callerya speciosa</i> (Champ. ex Benth.) Schot	16	Ngưu tát	<i>Achyranthes bidentata</i> Blume	2
Chay bặc bộ	<i>Artocarpus tonkinensis</i> A. Chev. ex Gagnep.	20	Sâm cau	<i>Curculigo orchioidea</i> Gaertn.	2
Dành dành	<i>Gardenia augusta</i> Merr.	2	Sa nhân tía	<i>Amomum longiligulare</i> T.L. Wu	4
Địa liên	<i>Kaempferia galanga</i> L.	6	Sâm nam núi dành lá nhỏ	<i>Callerya speciosa</i> (Champ. ex Benth.) Schot	16
Đinh lăng	<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms	18	Sâm nam núi dành lá to	<i>Callerya speciosa</i> (Champ. ex Benth.) Schot	11
Giò bầu	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Leconte	1	Sâm tố nữ	<i>Pueraria mirifica</i> Airy Shaw et Suvat.	2
Giổi xanh	<i>Michelia balansae</i> (DC.) Dandy	3	Săng xê	<i>Sanchezia nobilis</i> Hook. f	1
Gỏi hạc tía	<i>Leea rubra</i> Blume ex Spreng.	2	Tam thất nam	<i>Kaempferia rotunda</i> L.	1
Hoài sơn	<i>Dioscorea hamiltonii</i> Hook.f.	6	Thanh ngâm	<i>Picria fel-terrae</i> Lour.	1
Hương thảo	<i>Salvia rosmarinus</i> Spenn.	3	Thâu kén lông	<i>Helicteres hirsuta</i> Lour.	2
Ích mẫu	<i>Leonurus japonicus</i> Houtt.	1	Thủy xương bồ	<i>Acorus calamus</i> L.	1
Khô	<i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf	11	Tía tô	<i>Perilla frutescens</i> (L.) Britt.	1
Kim ngân	<i>Lonicera japonica</i> Thunb	2	Trà hoa vàng	<i>Camellia euphlebia</i> Merr. ex Sealy	31
Kim tiền thảo	<i>Desmodium styracifolium</i> (Osbeck) Merr	30	Xạ đen	<i>Ehretia asperula</i> Zoll. & Moritzi	2
Mã đề	<i>Plantago major</i> L.	1	Xuyên tâm liên	<i>Andrographis paniculata</i> (Burm.f.) Nees	5

4. Kết luận

Nguồn tài nguyên cây thuốc của tỉnh Bắc Giang có 812 loài, thuộc 516 chi, 163 họ của 6 ngành thực vật có mạch; Ghi nhận 43 loài có giá trị bảo tồn; 99 loài có tiềm năng khai thác; 32 loài cây thuốc đang được trồng và phát triển trên địa bàn tỉnh. Nguồn tài nguyên cây thuốc tại tỉnh Bắc Giang có sự đa dạng về họ, chi và

ít đa dạng số lượng loài trong từng chi; ghi nhận 05 dạng thân, chữa 16 nhóm bệnh khác nhau, 13 bộ phận dùng.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả xin chân thành cảm ơn sự tài trợ kinh phí của đề tài cấp tỉnh tỉnh “Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất kế hoạch bảo tồn, phát triển một số loài cây thuốc có hiệu quả kinh tế cao tại tỉnh Bắc Giang” để thực hiện nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

- UBND tỉnh Bắc Giang (2020), Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016 - 2020.
- Nguyễn Tập (2006), Điều tra cây thuốc và nghiên cứu bảo tồn, Nghiên cứu thuốc từ thảo dược, NXB Khoa học và kỹ thuật, 33-109.
- Nguyễn Nghĩa Thìn (2007), Các phương pháp nghiên cứu thực vật, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Tiến Bản (1997), Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật hạt kín ở Việt Nam, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
- Phạm Hoàng Hộ (1999, 2000, 2002), Cây cỏ Việt Nam, tập I,II,III, NXB Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
- Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2000 - 2017), Thực vật chí Việt Nam, tập 1, 21, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ.
- Forman L. L. (1991), Menispermaceae, Flora of Thailand, 5(3), 300-365.
- <http://efloras.org/>
- Viện Dược liệu (2016), Danh lục cây thuốc Việt Nam, NXB Khoa học và Kỹ thuật Hà Nội.
- The Angiosperm Phylogeny Group (2016), An update of the angiosperm phylogeny group classification for the orders and families of flowering plants: APG IV, Botanical Journal of the Linnean Society, 181, 1-20.
- <https://powo.science.kew.org/Accessed 08 Apr. 2023>
- Nguyễn Nghĩa Thìn (2004), Hệ sinh thái rừng nhiệt đới, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Bộ Khoa học và Công nghệ & Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007), Danh lục đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ.
- Bộ Khoa học và Công nghệ & Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam (2007), Sách đỏ Việt Nam, phần II - Thực vật, NXB Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- Nguyễn Tập (2019), Danh lục đỏ cây thuốc Việt Nam, Tạp chí Dược liệu, 24(6), 319-328.
- Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính Phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.